

Số: 64 /KL-TTr

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2024

KẾT LUẬN THANH TRA

Việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam

Thực hiện Quyết định số 93/QĐ-TTr ngày 27/02/2024 của Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội thanh tra việc chấp hành các quy định của pháp luật về lao động tại Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam, ngày 11/3/2024, Đoàn thanh tra đã tiến hành thanh tra tại trụ sở của Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam. Thời kỳ thanh tra từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra;

Xét báo cáo kết quả thanh tra ngày 05/4/2024 của Trưởng đoàn thanh tra, Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội kết luận như sau:

I. THÔNG TIN CHUNG VỀ DOANH NGHIỆP

- Tên doanh nghiệp: Công ty Cổ phần Phân bón miền Nam (sau đây gọi là doanh nghiệp).

- Loại hình doanh nghiệp: Công ty cổ phần.

- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300430500, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20/9/2010, đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 22/10/2021.

- Trụ sở chính của doanh nghiệp: số 125B Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Ngành nghề sản xuất kinh doanh chủ yếu: sản xuất phân bón các loại (supe lân, NPK, phân bón lá yogen).

- Cơ cấu tổ chức sản xuất của doanh nghiệp:

+ Các phòng chức năng: Phòng Kế toán – Tài chính; Phòng Tổ chức – Hành chính; Phòng Kế hoạch – Thương mại; phòng Kinh doanh; Phòng Kỹ thuật – Sản xuất; bộ phận Chăm sóc khách hàng và phát triển thương hiệu; bộ phận Quản lý chất lượng.

+ Các nhà máy trực thuộc: nhà máy Super phốt phát Long Thành; nhà máy Phân bón Hiệp Phước; nhà máy Cửu Long; nhà máy Sản xuất bao bì.

- Điện thoại giao dịch: 028 38325889.

- Các tài khoản giao dịch:

+ Tài khoản số 1150.0000.4440 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 0071.000596.451 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh;

+ Tài khoản số 1380.104.701 mở tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bến Nghé.

- Tổ chức công đoàn cơ sở: đã thành lập công đoàn cơ sở.

- Tổng số người làm việc tại doanh nghiệp (số liệu tính tại thời điểm thanh tra): 498 người.

- Tình hình sản xuất kinh doanh (theo báo cáo của doanh nghiệp):

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022		Năm 2023		Năm 2024
			Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch	Thực hiện	Kế hoạch
1	Tổng giá trị tài sản	Triệu đồng	1.000.000	1.090.147	1.200.000	1.243.946	1.100.000
2	Tổng nguồn vốn kinh doanh	Triệu đồng	1.000.000	1.090.147	1.200.000	1.243.946	1.100.000
3	Tổng doanh thu	Triệu đồng	1.768.000	2.022.000	1.500.000	1.651.701	1.620.000
4	Tổng chi phí	Triệu đồng	1.990.000	2.003.565	1.445.000	1.594.698	1.768.000
5	Tổng thu - tổng chi (chưa có lương)	Triệu đồng	1.636.104	1.859.170	1.394.456	1.587.072	1.511.277
6	Lợi nhuận	Triệu đồng	31.500	55.031	20.000	57.005	30.000
7	Nộp ngân sách nhà nước	Triệu đồng	28.650	28.500	27.456	11.509	29.504

II. KẾT QUẢ KIỂM TRA, XÁC MINH

1. Các loại báo cáo định kỳ

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

- Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

2. Tuyển dụng và đào tạo lao động

- Khi có nhu cầu tuyển dụng người lao động, doanh nghiệp đăng thông báo tuyển dụng công khai trên website của doanh nghiệp, thông báo trong nội bộ doanh nghiệp và phỏng vấn ứng viên dự tuyển.

- Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động hàng năm.

- Việc ký kết hợp đồng đào tạo nghề: không phát sinh.

- Thực hiện ký kết hợp đồng học nghề, tập nghề: không phát sinh.

3. Giao kết và thực hiện hợp đồng lao động

- Tại thời điểm thanh tra:

+ Số người không thuộc diện phải ký hợp đồng lao động: 05 người (Tổng giám đốc và 03 Phó Tổng giám đốc, Trưởng Ban kiểm soát).

+ Số người thuộc diện phải giao kết hợp đồng lao động: 493 người.

+ Số người đã giao kết hợp đồng lao động: 493 người, trong đó: hợp đồng lao động không xác định thời hạn: 274 người; hợp đồng lao động xác định thời hạn từ 03 tháng đến 36 tháng: 219 người.

Kiểm tra xác suất 06 hợp đồng lao động đã giao kết với 06 người lao động (Lê Thị Kim Dung, Đặng Ngọc Dung, Lò Văn Đoàn, Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Văn Hóa và Võ Thị Thảo), mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của lãnh đạo phòng/bộ phận”.

+ Số người lao động thuê lại: không.

+ Ký hợp đồng lao động đối với người lao động được thuê làm giám đốc trong doanh nghiệp: không.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp không có người lao động bị mất việc làm.

- Việc thông báo trước cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh và cho người lao động trước khi cho nhiều người lao động thôi việc (trong trường hợp thay đổi cơ cấu, công nghệ hoặc vì lý do kinh tế): không phát sinh.

- Trong thời kỳ thanh tra, doanh nghiệp có 64 lao động thôi việc (năm 2022: 28 người, năm 2023: 36 người). Doanh nghiệp đã trả trợ cấp thôi việc cho 22 người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc với tổng số tiền là 407.899.000 đồng.

4. Đối thoại tại doanh nghiệp và thoả ước lao động tập thể

- Đã thực hiện đối thoại định kỳ 01 lần/năm; tổ chức đối thoại đột xuất 02 lần năm 2023.

- Đã ký kết thoả ước lao động tập thể năm 2022, thời hạn 03 năm. Hồ sơ thoả ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng theo quy định.

- Về nội dung và việc thực hiện nội dung thoả ước lao động tập thể đã ký:

+ Điểm b khoản 2 Điều 11 thoả ước lao động có nội dung không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể: “*trường hợp người sử dụng lao động có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 200 giờ nhưng không quá 300 giờ trong 01 năm và không quá 60 giờ trong 01 tháng*”.

+ Thoả ước lao động có một số thoả thuận có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật lao động, cụ thể: tổ chức thăm quan du lịch, thăm hỏi ốm đau, hiếu, hỉ, trợ cấp đột xuất khó khăn, thưởng tháng lương thứ 13, mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe cho người lao động.

- Đã thực hiện các nội dung thoả thuận trong thoả ước lao động tập thể.

- Thoả ước lao động tập thể đã được gửi đến Sở Lao động – Thương binh và Xã hội thành phố Hồ Chí Minh ngày 10/6/2022.

- Đã xây dựng và ban hành quy chế dân chủ cơ sở tại doanh nghiệp (Quyết định số 765/QĐ-PBMN ngày 02/11/2023 của Tổng giám đốc).

5. Tiền lương và trả công lao động

5.1. Công tác quản lý tiền lương và thu nhập của người lao động

5.1.1. Việc xây dựng thang lương, bảng lương và định mức lao động

- Việc xây dựng hệ thống thang lương, bảng lương và định mức lao động:

+ Doanh nghiệp đã xây dựng thang lương, bảng lương áp dụng cho năm 2022, 2023 (Quyết định số 24/QĐ-HĐQT ngày 14/7/2022 và số 37/QĐ-HĐQT ngày 30/12/2023 của Chủ tịch Hội đồng quản trị).

+ Đã xây dựng định mức lao động làm căn cứ trả lương sản phẩm cho người lao động trực tiếp sản xuất tại các nhà máy.

- Hệ số lương bình quân (HSLBQ) theo thang, bảng lương hoặc mức lương bình quân (MLBQ):

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số lao động	MLBQ	Số lao động	MLBQ
Lao động quản lý cấp trung	24	10,479	28	13,938
Lao động chuyên môn, nghiệp vụ	118	6,840	134	6,9003
Công nhân trực tiếp SXKD	324	6,52	294	6,791
Nhân viên thừa hành, phục vụ	61	5,998	50	6,25
Tổng số	527		506	

- Hệ số phụ cấp lương bình quân (HSPCLBQ) hoặc mức phụ cấp bình quân (MPCBQ): phụ cấp chức vụ

Nội dung	Năm 2022		Năm 2023	
	Số người	MPCBQ	Số người	MPCBQ
Phụ cấp chức vụ	24	0,952	28	0

5.1.2. Quỹ tiền lương và thực hiện phân phối quỹ tiền lương

- Việc tổng hợp và xin ý kiến của người đại diện phần vốn nhà nước đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động: người đại diện vốn nhà nước đã thực hiện xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu về các nội dung gồm: quỹ tiền lương thực hiện, quỹ tiền lương kế hoạch hằng năm của người lao động và được Tập đoàn Hóa chất Việt Nam chấp thuận bằng văn bản (Công văn số 80/CV-PBMN ngày 16/01/2023, công văn số 171/HCVN-TCNS ngày 14/2/2023; Công văn số 160/PBMN-NĐD ngày 25/01/2024).

- Việc xây dựng và phê duyệt quỹ tiền lương kế hoạch và quỹ tiền lương thực hiện của người lao động hằng năm:

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 99,028 tỷ đồng (theo Quyết định số 291/QĐ-HCVN ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền

lương thực hiện là 106,489 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông).

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 83,9 tỷ đồng (theo Quyết định số 69/QĐ-HCVN ngày 31/3/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); chưa phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện.

- Đã xây dựng quy chế trả lương, trả thưởng cho người lao động.

- Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ, ngày lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

- Việc quyết toán quỹ tiền lương thực hiện đối với người lao động: căn cứ kết quả phê duyệt quỹ tiền lương thực hiện và quy chế quản lý lao động và phân phối thu nhập, doanh nghiệp quyết toán tiền lương cho người lao động.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2022 là 191,15 triệu đồng/người/năm, năng suất lao động thực hiện bình quân năm 2022 là 240,16 triệu đồng/người/năm, bằng 125,64% năng suất lao động kế hoạch bình quân.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2022 là 11,96 triệu đồng/người/tháng, tiền lương thực hiện bình quân năm 2022 là 13,09 triệu đồng/người/tháng, bằng 109,44 % tiền lương kế hoạch bình quân.

+ Năng suất lao động kế hoạch bình quân năm 2023 là 312,74 triệu/người/năm.

+ Tiền lương kế hoạch bình quân năm 2023 là 10,25 triệu đồng/người/tháng.

- Đã trả lương những ngày chưa nghỉ hàng năm hoặc ngày chưa nghỉ hết số ngày nghỉ hàng năm cho người lao động thôi việc.

- Tiền lương ngừng việc và cách giải quyết tiền lương trong các trường hợp thiếu việc làm: năm 2022, không có trường hợp thiếu việc làm; năm 2023, doanh nghiệp đã cho 18 lao động tại dây chuyền sản xuất axit nhà máy Super Phốt phát Long Thành ngừng việc trong 2 tháng (nguyên nhân là do giá axit nhập khẩu cao, nếu tiếp tục sản xuất sẽ lỗ). Doanh nghiệp trả lương cho người lao động ngừng việc bằng mức lương tối thiểu vùng là 4,68 triệu đồng/người/tháng, đồng thời hỗ trợ 1 triệu đồng/người/tháng.

- Tình hình khấu trừ tiền lương của người lao động: không phát sinh việc khấu trừ trái pháp luật.

5.1.3. Các khoản thu nhập khác

- Tiền ăn ca: doanh nghiệp hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động thông qua suất ăn trị giá 27.000 đồng/người/ca (áp dụng cho tất cả người lao động). Trường hợp người lao động không ăn hết suất ăn trong tháng sẽ được thanh toán cùng kỳ trả lương.

- Các khoản phụ cấp khác (nếu có): không có

- Tiền lương và thu nhập bình quân chung:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2022			Năm 2023		
			Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất	Cao nhất	Bình quân	Thấp nhất
1	Mức lương	Triệu đồng/ người /tháng	18,899	6,719	5,023	24	7,085	5,148
2	Phụ cấp	Triệu đồng/ người /tháng	1,089	0,544	0,272	1,089	0,544	0,272
3	Tiền thưởng	Triệu đồng/ người /tháng	2,1	2,1	2,1	2,1	2,1	2,1
4	Thu nhập khác	Triệu đồng/ người /tháng	28,854	4,669	2,34	36,818	4,475	2,508

5.2. Tiền lương, thu nhập của người quản lý

5.2.1. Tiền lương

- Số lượng cán bộ quản lý chuyên trách: 05 người (Tổng giám đốc, 01 Phó Tổng giám đốc, 01 phó Tổng giám đốc bổ nhiệm trong năm 2023, 01 người là Kế toán trưởng từ tháng 01/2023 – 7/2023 và là Phó Tổng giám đốc từ tháng 8/2023 đến tháng 12/2023, 01 Trưởng Ban kiểm soát).

- Người quản lý không chuyên trách: 04 người gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, 03 thành viên Hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý với đại diện chủ sở hữu.

- Đã xin ý kiến của người đại diện phần vốn nhà nước đối với cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch của người quản lý.

- Đã xây dựng riêng quỹ tiền lương, quỹ thù lao của người quản lý.

+ Năm 2022: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,368 tỷ đồng (theo Quyết định số 291/QĐ-HCVN ngày 29/12/2021 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương thực hiện là 1,310 tỷ đồng (theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông).

+ Năm 2023: quỹ tiền lương kế hoạch là 1,644 tỷ đồng (theo Quyết định số 69/QĐ-HCVN ngày 31/3/2023 của Tập đoàn Hóa chất Việt Nam); quỹ tiền lương thực hiện chưa được phê duyệt.

- Phân phối tiền lương đối với người quản lý:

Tiền lương thực hiện của người quản lý như sau:

Stt	Chức danh	Tiền lương (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Giám đốc	31,2	31,2
2	Phó Tổng Giám đốc	27,6	27,6
3	Phó Tổng Giám đốc (từ tháng 8 – 12/2023)	0	27,6

4	Kế toán trưởng (từ tháng 1 – 7/2023)	25,2	25,2
5	Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm năm 2023)	0	27,6
6	Trưởng Ban Kiểm soát (từ tháng 1/2022 – 4/2023)	25,2	0

- Thù lao của người quản lý không chuyên trách: quỹ thù lao của người quản lý được Đại hội đồng cổ đông thông qua; doanh nghiệp chi thù lao của người quản lý không chuyên trách theo đúng mức đã được phê duyệt.

Phân phối tiền thù lao thực hiện của người quản lý (theo Nghị quyết số 07/2023/NQ-ĐHCD ngày 26/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông) như sau:

Stt	Chức danh	Thù lao (triệu đồng/người/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Chủ tịch Hội đồng quản trị	6	6
2	Thành viên Hội đồng quản trị	5	5
3	Thành viên Hội đồng quản trị	5	5
4	Thành viên Hội đồng quản trị	0	5

5.2.2. Tiền thưởng

- Việc trích lập và sử dụng quỹ khen thưởng của người quản lý: quỹ khen thưởng năm 2022 là 163,8 triệu đồng theo Nghị quyết số 14/NQ-ĐHCD ngày 28/4/2023 của Đại hội đồng cổ đông; năm 2023 chưa thực hiện trích quỹ khen thưởng.

- Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý.

- Phân phối tiền thưởng cụ thể đối với từng chức danh:

Stt	Chức danh	Tiền thưởng (triệu đồng/tháng)	
		Năm 2022	Năm 2023
1	Tổng Giám đốc	2,3	Chưa chi
2	Phó Tổng Giám đốc	2,2	
3	Phó Tổng Giám đốc (từ tháng 8 – 12/2023)	0	
4	Kế toán trưởng (từ tháng 1 – 7/2023)	2,3	
5	Phó Tổng Giám đốc	0	
6	Trưởng Ban Kiểm soát (từ tháng 1/2022 – 4/2023)	1,6	

5.2.3. Thu nhập

Các khoản thu nhập khác: không.

5.3. Trách nhiệm của người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp

- Đã tham gia ý kiến với Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên để đưa các nội dung quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng vào điều lệ tổ chức hoạt động hoặc các quy chế của doanh nghiệp; tham gia biểu quyết để quyết định các nội dung cụ thể về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp.

- Đã báo cáo xin ý kiến cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về kế hoạch lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người lao động, tiền thưởng của người lao động; quỹ tiền lương kế hoạch và thực hiện của người quản lý, thù lao và tiền thưởng của người quản lý trước khi có ý kiến với hội đồng quản trị.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước về tình hình thực hiện tiền lương, thù lao, tiền thưởng thực hiện của năm trước và kế hoạch của năm tiếp theo sau khi được đại hội đồng cổ đông và hội đồng quản trị thông qua.

- Đã báo cáo cơ quan đại diện chủ sở hữu vốn nhà nước kết quả giám sát chung về thực hiện lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với doanh nghiệp làm căn cứ để đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ đối với người đại diện phần vốn nhà nước.

6. Thời giờ làm việc và thời giờ nghỉ ngơi

- Doanh nghiệp áp dụng thời gian làm việc theo giờ hành chính 8 giờ/ngày, 40 giờ/tuần đối với khối văn phòng (nghỉ ngày thứ bảy, chủ nhật); 8 giờ/ngày và 48 giờ/tuần đối với bộ phận trực tiếp sản xuất, nhân viên nấu ăn, vệ sinh công nghiệp.

- Huy động người lao động làm thêm giờ không vượt quá số giờ làm thêm theo quy định.

- Đã bố trí cho người lao động được nghỉ bình quân 01 tháng ít nhất 04 ngày.

- Đã thực hiện các quy định về nghỉ lễ, tết, nghỉ việc riêng có lương, nghỉ việc riêng không hưởng lương theo quy định.

- Đã bố trí 12 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc bình thường, 14 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm, 16 ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm (chưa tính thâm niên).

- Việc quy định các đợt nghỉ ngắn trong ca làm việc: không.

7. Kỷ luật lao động, trách nhiệm vật chất

- Đã xây dựng nội quy lao động và đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh ngày 07/7/2021. Nội quy lao động có một số nội dung không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể:

+ Tại điểm b khoản 2 Điều 11 quy định “trường hợp người sử dụng lao động có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người

lao động làm thêm trên 200 giờ nhưng không quá 300 giờ trong 01 năm và không quá 60 giờ trong 01 tháng”.

+ Không quy định cụ thể người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động.

+ Khoản 3 Điều 27 quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ.

- Chưa gửi nội quy lao động có hiệu lực đến cơ quan quản lý nhà nước nơi doanh nghiệp có trụ sở nhà máy trực thuộc.

- Trong thời kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không có lao động bị xử lý kỷ luật.

- Việc xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức phạt tiền, trừ lương: không phát sinh.

- Những trường hợp người lao động phải bồi thường trách nhiệm vật chất: không phát sinh.

8. Lao động đặc thù

8.1. Các quy định riêng đối với lao động nữ

- Tổng số lao động nữ: 92 người.

- Đã thực hiện các quy định riêng đối với lao động nữ, gồm:

+ Không sử dụng lao động nữ có thai từ tháng thứ 7 trở lên làm các công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm hoặc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm;

+ Lao động nữ nuôi con dưới 12 tháng tuổi được nghỉ 60 phút/ngày làm việc;

+ Lao động nữ trong thời gian hành kinh được nghỉ 30 phút/ngày làm việc.

+ Không sa thải hoặc đơn phương chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động nữ trong doanh nghiệp.

+ Bố trí chỗ thay quần áo, buồng tắm và buồng vệ sinh cho lao động nữ.

+ Thực hiện các chế độ cho lao động nữ mang thai, nghỉ thai sản và đảm bảo việc làm cho lao động nữ sau khi thai sản.

- Chưa thực hiện giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động.

8.2. Các quy định riêng đối với lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài và lao động là người khuyết tật

Trong kỳ thanh tra, doanh nghiệp không sử dụng lao động chưa thành niên, lao động là người nước ngoài và lao động là người khuyết tật.

8.3. Đối với người lao động cao tuổi.

- Số người lao động cao tuổi: 01 người.

- Hợp đồng lao động đã giao kết thỏa thuận thời giờ làm việc hằng ngày là 8 giờ/ngày và không quá 48 giờ/ tuần.

- Đã thực hiện khám sức khỏe đối với người lao động cao tuổi theo quy định.

9. Khiếu nại, tranh chấp lao động

Trong kỳ thanh tra, tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

10. An toàn lao động, vệ sinh lao động

- Số người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 250 người; làm công việc đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm: 72 người.

- Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

- Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên do giám đốc từng nhà máy ban hành quyết định thành lập. Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên tại Nhà máy phân bón Hiệp Phước theo Quyết định số 09/QĐ-NMHP ngày 07/3/2023 của Giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước gồm 09 người là trưởng ca, tổ trưởng, tổ phó các tổ.

- Đã bố trí 06 người làm công tác an toàn, vệ sinh lao động theo chế độ chuyên trách (văn phòng doanh nghiệp có 01 người, nhà máy Super phốt phát Long Thành có 02 người, 03 nhà máy còn lại có 01 người/nhà máy).

- Đã bố trí bà Tạ Thị Kiều Nhung - Y sĩ làm công tác y tế tại Nhà máy super phốt phát Long Thành và ký hợp đồng với Phòng khám đa khoa DHA Healthcare, địa chỉ: 221 Nguyễn Thị Minh Khai, phường Nguyễn Cư Trinh, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh để bảo đảm công tác y tế tại doanh nghiệp.

- Tổng số các loại máy, thiết bị, vật tư có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động đang sử dụng: 66 máy, thiết bị (29 bình chịu áp lực, 03 hệ thống đường ống dẫn khí, 04 nồi hơi, 23 xe nâng hàng, 07 cần trục) đã được kiểm định kỹ thuật an toàn lao động theo quy định.

- Đã thực hiện huấn luyện về an toàn, vệ sinh lao động cho người sử dụng lao động và toàn bộ người lao động.

- Đã trang bị đầy đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo quy định.

- Đã thực hiện bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, độc hại theo quy định. Tuy nhiên, số cấp phát bồi dưỡng hiện vật thể hiện người lao động ký nhận bồi dưỡng bằng hiện vật theo tháng là chưa đúng nguyên tắc bồi dưỡng bằng hiện vật theo quy định.

- Tổng số vụ tai nạn lao động từ ngày 01/01/2022 đến thời điểm thanh tra: 02 vụ tai nạn lao động nhẹ (xảy ra năm 2022, tại Nhà máy phân bón Hiệp Phước) làm 02 người bị thương nhẹ.

- Đã thực hiện điều tra tai nạn lao động. Tuy nhiên, thành phần đoàn điều tra tai nạn lao động chưa có người làm công tác y tế; chưa lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động; biên bản điều tra vụ tai nạn lao động làm ông Trần Văn Thái bị thương nhẹ chưa kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý theo quy định.

- Đã bố trí người lao động trở lại làm việc bình thường và chi trả chi phí y tế liên quan tới tai nạn lao động.

- Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động hằng năm theo quy định: năm 2022, có 24/760 mẫu không đạt tiêu chuẩn; năm 2023, có 46/787 mẫu không đạt tiêu chuẩn (tiếng ồn, nhiệt độ, ánh sáng).

- Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

- Đã tổ chức khám sức khỏe định kỳ 1 lần/năm cho đầy đủ người lao động, lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản; người lao động làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm đã được khám ít nhất 6 tháng/lần.

- Đã thực hiện khám phát hiện bệnh nghề nghiệp cho người lao động:

Loại bệnh nghề nghiệp	Tình trạng	2022	2023
Điếc nghề nghiệp (người)	Bình thường	1	0
	Giảm sức nghe đường khí 1 hoặc 2 bên tai	6	0
Bệnh viên phế quản mạn nghề nghiệp (người)	Bình thường	16	16
	Rối loạn không khí hạn chế	4	2
	Rối loạn không khí hỗn hợp	1	0

11. Bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp

- Tại thời điểm thanh tra, số người thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp: 497 người.

+ Số người đã tham gia: 496 người.

+ Số người chưa tham gia: 01 người (mới ký hợp đồng lao động đang làm thủ tục tham gia).

- Tại thời điểm thanh tra, số người không thuộc đối tượng phải tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế: 01 người lao động cao tuổi. Doanh nghiệp đã trả khoản tiền tương đương với mức đóng bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm y tế vào lương cho người lao động.

- Tiền lương tháng đóng bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp là tiền lương ghi trong hợp đồng lao động và các khoản phụ cấp.

- Số tiền phải đóng cho cơ quan bảo hiểm xã hội tháng 02/2024: 1.155.326.052 đồng. Số tiền chậm đóng: 0 đồng.

III. KẾT LUẬN

1. Những quy định của pháp luật về lao động đã được doanh nghiệp thực hiện

1.1. Đã thực hiện báo cáo định kỳ về tình hình thay đổi lao động 06 tháng đầu năm và hằng năm với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.2. Đã thực hiện báo cáo định kỳ hằng năm về công tác an toàn, vệ sinh lao động với cơ quan quản lý nhà nước về lao động địa phương.

1.3. Đã ban hành Quy chế tuyển dụng đào tạo người lao động; không thu phí tuyển dụng người lao động.

1.4. Đã xây dựng kế hoạch đào tạo, nâng cao trình độ, kỹ năng nghề cho người lao động.

1.5. Đã giao kết hợp đồng lao động đối với 100% người lao động thuộc đối tượng phải giao kết hợp đồng lao động.

1.6. Đã trả trợ cấp thôi việc cho người lao động đủ điều kiện hưởng trợ cấp thôi việc.

1.7. Đã tổ chức đối thoại định kỳ với người lao động tại nơi làm việc.

1.8. Đã ký và gửi thỏa ước lao động tập thể đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh. Đã thực hiện các nội dung theo thỏa ước lao động tập thể đã ký kết. Nội dung thỏa ước lao động có thỏa thuận nội dung có lợi hơn cho người lao động so với quy định của pháp luật.

1.9. Đã xây dựng quy chế dân chủ ở cơ sở tại nơi làm việc.

1.10. Đã xây dựng thang lương, bảng lương, định mức lao động.

1.11. Đã trả tiền lương làm thêm giờ, làm vào ngày nghỉ lễ, làm việc vào ban đêm theo quy định.

1.12. Đã thực hiện quy định về ngày nghỉ hằng năm đối với người lao động tại doanh nghiệp.

1.13. Đã hỗ trợ tiền ăn ca cho người lao động, mức 27.000 đồng/người/ca làm việc.

1.14. Đã thực hiện chế độ tiền lương, thu nhập đối với người quản lý theo quy định.

1.15. Người đại diện phần vốn nhà nước tại doanh nghiệp đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm về lao động.

1.16. Đã xây dựng và đăng ký nội quy lao động với cơ quản lý nhà nước về lao động cấp tỉnh.

1.17. Doanh nghiệp không có trường hợp người lao động bị xử lý kỷ luật lao động, bồi thường trách nhiệm vật chất; không phạt tiền, trừ lương thay việc xử lý kỷ luật lao động.

1.18. Doanh nghiệp sử dụng 01 người lao động cao tuổi và đã thực hiện các chế độ đối với lao động cao tuổi.

1.19. Tại doanh nghiệp không phát sinh các vụ khiếu nại về lao động, tranh chấp lao động.

1.20. Đã xây dựng kế hoạch an toàn, vệ sinh lao động hằng năm đủ các nội dung theo quy định.

1.21. Đã bố trí bộ phận làm công tác an toàn, vệ sinh lao động và bộ phận làm công tác y tế theo quy định.

1.22. Đã thực hiện kiểm định kỹ thuật an toàn lao động đối với máy, thiết bị có yêu cầu nghiêm ngặt về an toàn lao động theo quy định.

1.23. Đã tổ chức huấn luyện an toàn, vệ sinh lao động cho toàn bộ người lao động.

1.24. Đã trang bị đủ phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động.

1.25. Đã trang bị phương tiện kỹ thuật, y tế phục vụ ứng cứu, sơ cứu khi xảy ra sự cố, tai nạn lao động.

1.26. Đã thực hiện quan trắc môi trường lao động theo quy định.

1.27. Đã khám sức khỏe định kỳ cho toàn bộ người lao động theo quy định; lao động nữ được khám chuyên khoa phụ sản.

1.28. Đã tham gia bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho 497 người lao động thuộc đối tượng phải tham gia.

1.29. Đã trích đóng đầy đủ tiền bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp cho cơ quan bảo hiểm xã hội đến hết tháng 2/2024.

2. Những quy định của pháp luật về lao động chưa được doanh nghiệp thực hiện hoặc thực hiện chưa đầy đủ

2.1. Nội dung hợp đồng lao động đã giao kết với 06 người lao động (Lê Thị Kim Dung, Đặng Ngọc Dung, Lò Văn Đoàn, Nguyễn Trung Hiếu, Nguyễn Văn Hóa và Võ Thị Thảo) thỏa thuận mục công việc phải làm ghi “theo sự phân công của lãnh đạo phòng/bộ phận” là chưa đúng quy định tại Điều 21 Bộ luật Lao động; Thông tư số 10/2020/TT-BLĐTBXH ngày 12/11/2020 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về nội dung của hợp đồng lao động, hội đồng thương lượng tập thể và nghề, công việc có ảnh hưởng xấu tới chức năng sinh sản, nuôi con.

2.2. Hồ sơ Thỏa ước lao động tập thể của doanh nghiệp không có thông báo bằng văn bản về những nội dung dự kiến tiến hành thương lượng tập thể của đại diện tập thể người lao động hoặc của người sử dụng lao động, không có biên bản cuộc họp thương lượng là không đúng quy định tại Điều 70 Bộ luật Lao động.

2.3. Thỏa ước lao động tập thể có nội dung không đúng quy định tại Điều 107 Bộ luật Lao động, cụ thể: tại điểm b khoản 2 Điều 11 quy định “trường hợp người sử dụng lao động có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 200 giờ nhưng không quá 300 giờ trong 01 năm và không quá 60 giờ trong 01 tháng”.

2.4. Chưa xây dựng quy chế trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý theo quy định tại khoản 2 Điều 17 Thông tư 28/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01/9/2016 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quy định về lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Công ty có cổ phần, vốn góp chi phối của Nhà nước.

2.5. Nội quy lao động có nội dung không đúng với quy định của pháp luật, cụ thể:

- Tại điểm b khoản 2 Điều 11 quy định “trường hợp người sử dụng lao động có nhu cầu và được sự đồng ý của người lao động thì được sử dụng người lao động làm thêm trên 200 giờ nhưng không quá 300 giờ trong 01 năm và không quá 60 giờ trong 01 tháng” là vi phạm quy định tại Điều 107 Bộ luật Lao động.

- Không quy định cụ thể người có thẩm quyền xử lý kỷ luật lao động theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Bộ luật Lao động về điều kiện lao động và quan hệ lao động.

- Khoản 3 Điều 27 quy định “người lao động bị xử lý kỷ luật lao động bằng hình thức sa thải khi tiết lộ bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của người sử dụng lao động”, nhưng nội quy lao động không có quy định cụ thể danh mục các thông tin tài liệu thuộc bí mật kinh doanh, bí mật công nghệ, sở hữu trí tuệ là chưa đúng quy định tại điểm đ khoản 2 Điều 69 Nghị định số 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ.

2.6. Chưa gửi bản nội quy lao động đã đăng ký với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Thành phố Hồ Chí Minh đến cơ quan chuyên môn về lao động thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh nơi đặt trụ sở của nhà máy theo quy định tại khoản 4 Điều 119 Bộ luật Lao động.

2.7. Chưa thực hiện việc giúp đỡ, hỗ trợ xây dựng nhà trẻ, lớp mẫu giáo hoặc một phần chi phí gửi trẻ, mẫu giáo cho người lao động theo quy định tại khoản 4 Điều 136 Bộ luật Lao động.

2.8. Mạng lưới an toàn, vệ sinh viên do giám đốc từng nhà máy ban hành quyết định thành lập là chưa đúng quy định tại khoản 1 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động; mạng lưới an toàn, vệ sinh viên tại Nhà máy phân bón Hiệp Phước thành lập theo Quyết định số 09/QĐ-NMHP ngày 07/3/2023 của Giám đốc Nhà máy phân bón Hiệp Phước gồm 09 người toàn là trưởng ca, tổ trưởng, tổ phó các tổ là chưa đúng quy định tại khoản 2 Điều 74 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.9. Sở cấp phát bồi dưỡng bằng hiện vật cho người lao động thể hiện việc cấp phát bồi dưỡng bằng hiện vật theo tháng là không đúng nguyên tắc bồi dưỡng bằng hiện vật phải thực hiện trong ca, ngày làm việc theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Thông tư số 24/2022/TT-BLĐTBXH ngày 30/11/2022 của Bộ trưởng Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội quy định việc bồi dưỡng bằng hiện vật đối với người lao động làm việc trong điều kiện có yếu tố nguy hiểm, có hại.

2.10. Thành lập đoàn điều tra tai nạn lao động cấp cơ sở không đủ thành phần (thiếu người làm công tác y tế) là không đúng quy định tại khoản 1 Điều 35 Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.11. Chưa lập biên bản cuộc họp công bố biên bản điều tra tai nạn lao động theo quy định tại khoản 6 Điều 13 Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật An toàn, vệ sinh lao động.

2.12. Biên bản điều tra vụ tai nạn lao động làm ông Trần Văn Thái bị thương nhẹ chưa kết luận về những người có lỗi, đề nghị hình thức xử lý theo mẫu quy định tại Phụ lục IX ban hành kèm theo Nghị định số 39/2016/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ.

IV. CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ THEO THẨM QUYỀN ĐÃ ÁP DỤNG

Không.

V. HẠN CHẾ, BẮT CẬP CỦA CƠ CHẾ QUẢN LÝ, CHÍNH SÁCH, PHÁP LUẬT CÓ LIÊN QUAN VÀ KIẾN NGHỊ KHẮC PHỤC

Không.

VI. KIẾN NGHỊ CÁC BIỆN PHÁP XỬ LÝ

Chánh thanh tra Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội yêu cầu người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp thực hiện các nội dung sau:

1. Khắc phục các vi phạm nêu tại khoản 2 Mục III của Kết luận thanh tra như sau:

- Khắc phục ngay sai phạm nêu tại điểm 2.9.
- Khắc phục sai phạm nêu tại điểm 2.2, 2.11 và 2.12 khi phát sinh.
- Khắc phục các sai phạm còn lại trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày ký Kết luận thanh tra này.

2. Thực hiện niêm yết công khai Kết luận thanh tra tại trụ sở của doanh nghiệp ít nhất 15 ngày liên tục theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 49 Nghị định số 43/2023/NĐ-CP ngày 30 tháng 6 năm 2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Thanh tra.

3. Doanh nghiệp báo cáo bằng văn bản kết quả thực hiện Kết luận thanh tra kèm theo hồ sơ, tài liệu chứng minh đến Thanh tra Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội, địa chỉ: số 12 Ngô Quyền, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội trước ngày 30/5/2024./.

Nơi nhận: *luu*

- Doanh nghiệp (để t/h);
- Chánh thanh tra Bộ LĐTBXH (để báo cáo);
- Công TTĐT Bộ LĐTBXH;
- Trang TTĐT Thanh tra Bộ LĐTBXH;
- Lưu: VT, Hồ sơ TTr.

**KT. CHÁNH THANH TRA
PHÓ CHÁNH THANH TRA**



Nguyễn Thị Hồng Diệp

